

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3922/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Kiến trúc** (Architecture)

Mã ngành: 7580101

Số lượng tín chỉ: 170 tín chỉ

Thời gian đào tạo: 5 năm

Loại văn bằng: Kiến trúc sư

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp.

Đơn vị quản lý: Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách Khoa.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo kiến trúc trình độ đại học, định hướng ứng dụng, đào tạo người tốt nghiệp có nền tảng chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nghề nghiệp chuyên môn. Người tốt nghiệp phát triển tư duy sáng tạo, chủ động nâng cao trình độ, học tập suốt đời và thích ứng linh hoạt với sự đổi mới của khoa học - công nghệ trong chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Đồng thời, người tốt nghiệp từ chương trình kiến trúc có khả năng thực hiện hiệu quả các nghiên cứu, khai triển và ứng dụng kỹ thuật vào thực tiễn nhằm phục vụ lợi ích của doanh nghiệp và cộng đồng. Người tốt nghiệp có đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm, nhận thức đúng đắn về tác động của các giải pháp kỹ thuật trong chuyên môn đối với xã hội và môi trường; phát triển năng lực làm việc nhóm chuyên môn, dẫn dắt chuyên môn, hợp tác đa ngành, đa văn hóa để góp phần thiết thực vào sự thịnh vượng và phát triển bền vững của địa phương, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam và toàn cầu.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

Người tốt nghiệp chương trình Kiến trúc trình độ đại học sẽ:

a. Trở thành kiến trúc sư có năng lực chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc để giải quyết các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp (PEO1);

b. Phát triển năng lực tư duy sáng tạo và học tập suốt đời, chủ động cập nhật kiến thức mới, thích ứng với sự phát triển của khoa học - công nghệ và thị trường lao động trong và ngoài nước (PEO2);

c. Có năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và triển khai các giải pháp kỹ thuật công nghệ trong kiến trúc nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội/ cộng đồng và doanh nghiệp (PEO3);

d. Hành xử với tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và nhận thức được tác động của kỹ thuật trong kiến trúc đến xã hội, môi trường và sự phát triển bền vững (PEO4);

đ. Phát triển năng lực phối hợp làm việc hiệu quả trong lĩnh vực kiến trúc và các lĩnh vực liên quan, thể hiện phẩm chất lãnh đạo, năng lực hợp tác trong việc triển khai các dự án, giải pháp thiết kế và kỹ thuật thuộc lĩnh vực kiến trúc vào thực tiễn nghề nghiệp, đóng góp cho sự phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội cho quốc gia và khu vực (PEO5).

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kiến trúc trình độ đại học, người tốt nghiệp có khả năng:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Vận dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp (PLO1);

b. Vận dụng hiệu quả các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh trong cuộc sống và nghề nghiệp chuyên môn (PLO2).

3.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Áp dụng hiệu quả kiến thức nền tảng về lý luận, mỹ thuật và các lĩnh vực liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu thiết kế kiến trúc (PLO3);

b. Áp dụng hiệu quả kiến thức cơ bản về, nguyên lý, kỹ thuật trong kiến trúc, để đề xuất ý tưởng thiết kế kiến trúc công trình phù hợp tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng (PLO4).

3.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành, liên ngành trong lĩnh vực kiến trúc để xây dựng nhiệm vụ thiết kế và đề xuất các giải pháp thiết kế kiến trúc của nhiều loại công trình kiến trúc (PLO5);

b. Đề xuất các giải pháp thiết kế kiến trúc hợp lý đảm bảo tính công năng, thẩm mỹ, bền vững và kinh tế một cách sáng tạo dựa trên nguyên lý khoa học và kỹ thuật cho nhiều loại công trình kiến trúc phù hợp với sự phát triển của khoa học - công nghệ (PLO6).

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị và phần mềm chuyên ngành để trình bày nhiệm vụ kỹ thuật trong lĩnh vực chuyên môn kiến trúc (PLO7);

b. Khai triển tốt các giải pháp thiết kế ý tưởng và giải pháp cấu tạo kiến trúc, và các nghiên cứu có liên quan đến kiến trúc hiệu quả bằng văn bản và lời nói và các ứng dụng công nghệ (PLO8).

c. Đánh giá được tác động của các giải pháp phương án thiết kế kiến trúc đến xã hội và môi trường (PLO9).

3.3.2 Kỹ năng mềm

a. Sử dụng được một ngoại ngữ ở trình độ tương đương trình độ Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; có năng lực ứng dụng hiệu quả CNTT và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành phục vụ giao tiếp và trao đổi chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc (PLO10).

b. Dẫn dắt, phối hợp và làm việc hiệu quả trong chuyên môn của Kiến trúc và các lĩnh vực có liên quan để hoàn thành mục tiêu đã xác định (PLO11).

c. Thể hiện được khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn và thích ứng với sự phát triển khoa học - công nghệ và biến động của thị trường lao động trong và ngoài nước (PLO12).

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trung thực và tuân thủ các quy định hiện hành trong chuyên môn (PLO13);

b. Tham gia chủ động trong các nhiệm vụ chuyên môn kiến trúc trong môi trường liên ngành, liên văn hóa và hợp tác quốc tế, để đóng góp cho sự phát triển tại ĐBSCL, cả nước và khu vực. (PLO14).

4. Vị trí việc làm của người tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể đảm nhiệm nhiều vai trò và vị trí khác nhau trong các cơ quan, công ty, xí nghiệp sau đây:

- Kiến trúc sư trong các tổ chức tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công kiến trúc - xây dựng.
- Nghiên cứu viên trong các trường đại học và các viện nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành kiến trúc - xây dựng.
- Viên chức tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp và Viện nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc-xây dựng.

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý liên quan đến lĩnh vực kiến trúc- xây dựng.
- Hành nghề độc lập về thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Người tốt nghiệp có khả năng học tiếp lên trình độ cao hơn trong và ngoài nước thuộc chuyên ngành kiến trúc hoặc các ngành gần khác;

- Người tốt nghiệp có khả năng học thêm các khóa bồi dưỡng ngắn hạn phục vụ chuyên ngành như: chủ trì thiết kế, thẩm định thiết kế, kiến trúc bền vững, quản lý dự án xây dựng, nghiệp vụ đấu thầu, ...

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Chương trình đào tạo hệ Đại học chuyên ngành Kiến trúc được xây dựng theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo Đại học chuyên ngành Kiến trúc của các trường Đại học như:

+ CTĐT ngành Kiến trúc trường Đại học Kiến trúc TPHCM. Link:

<https://daotao.uah.edu.vn/ChuongTrinhDaoTao/am8TF1g7xeLK6QAWZAHjgA%3d%3d/gq1Bu5DkSXGmf9W6KEM97A%3d%3d/mRAe0WoYcJhiGU8mQr5h6w%3d%3d/mRAe0WoYcJhiGU8mQr5h6w%3d%3d>

+ CTĐT ngành Kiến trúc Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng. Link:

<https://dut.udn.vn/Files/pdaotao/files/M%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20h%E1%BB%8Dc%20ph%E1%BA%A7n/121-Kien%20truc%20CLC.pdf>

+ CTĐT ngành Kiến trúc Trường Đại học Văn Lang. Link: <https://www.vlu.edu.vn/faculty/khoa-kien-truc>

7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số Tin chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
18	CT003	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1		15			
19	CT004	Thực hành Năng lực số ứng dụng (*)	2	2			60		CT003
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
33	TN006	Toán cao cấp A	4	4		60			
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức Cơ sở ngành									
34	KC074	Hội họa: Tĩnh vật và trang trí	2	2			60		
35	KC075	Ký họa kiến trúc	2	2			60	KC074	
36	KC076	Hình học họa hình	3	3		30	30		
37	KC077E	Anh văn chuyên ngành kiến trúc	2		2	30			
38	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30			
39	KC078	Kiến trúc nhập môn	2	2		15	30		
40	KC079	Cấu tạo kiến trúc cơ sở	3	3		30	30	KC076	
41	KC080	Cấu tạo nhà nhịp lớn	2	2		15	30	KC079	
42	KC081	Đồ án diễn họa kiến trúc	2	2			60		KC076
43	KC082	Đồ án vẽ ghi	2	2			60		KC076
44	KC083	Đồ án sáng tác nhỏ	2	2			60	KC082	
45	KC084	Đồ án thiết kế nhanh cơ sở	2	2			60		
46	KC085E	Tin học chuyên ngành kiến trúc cơ bản	2	2			60		
47	KC086E	Tin học chuyên ngành kiến trúc nâng cao	3	3			90		
48	KC087	Nguyên lý thiết kế công trình nhà ở	2	2		30		KC078	
49	KC088	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng	3	3		45		KC078	
50	KC089	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp	2	2		30		KC078	
51	KC090E	Lý thuyết quy hoạch đô thị	2	2		30			
52	KC091	Lịch sử kiến trúc phương Tây và đương đại nước ngoài	3	3		45			
53	KC092	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	2	2		30			
54	KC093	Bố cục tạo hình	2	2			60	KC078	
55	KC094	Cơ học công trình	2	2		30			
56	KC095	Kết cấu công trình kiến trúc	2	2		30		KC094	
57	KC096	Trắc địa bản đồ	2		4	30			
58	CN104	Vật liệu xây dựng	2			30			
59	KC041E	Phương pháp nghiên cứu trong xây dựng - kiến trúc	2			30			
60	KC461	Cơ học đất và nền móng	2			30			
61	KC097E	Mỹ học đại cương	2		2	30			
62	KC098E	Bảo tồn và trùng tu di sản kiến trúc	2			30			
63	KC099E	Lịch sử đô thị	2			30			
64	KC042E	Nguyên lý thiết kế nội - ngoại thất	2	2		30			
65	KC043	Không gian khán phòng, khán đài	2	2		30			
Cộng: 59 TC (Bắt buộc: 51 TC; Tự chọn: 8 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
66	KC100	Nhiệt và khí hậu kiến trúc	3	3		30	30		
67	KC437	Quang học và âm học kiến trúc	3	3		30	30		
68	KC438	Đồ án nhà ở riêng lẻ	2	2			60		KC087

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số Tin chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
69	KC439	Đồ án công trình hành chính	2	2			60		KC088
70	KC440	Đồ án công trình giáo dục	2	2			60		KC088
71	KC441	Đồ án công trình văn hóa	2	2			60		KC088
72	KC442	Đồ án công trình thương mại	2	2			60		KC088
73	KC443	Đồ án chung cư	2	2			60		KC087
74	KC444	Đồ án công trình y tế	2	2			60		KC088
75	KC445	Đồ án công trình công nghiệp	2	2			60		KC089
76	KC569	Đồ án kiến trúc nội - ngoại thất	2	2			60	KC042E	KC088
77	KC447	Đồ án quy hoạch đơn vị ở	2	2			60		KC090E
78	KC565	Đồ án công trình khán phòng	2	2			60	KC437, KC043	KC088
79	KC566	Đồ án công trình thể thao	2	2			60	KC080, KC043	KC088
80	KC567	Đồ án tổng hợp	2	2			60		
81	KC451	Đồ án thiết kế nhanh nâng cao	2	2			60	KC088, KC090E	
82	CN351E	Tổ chức thi công	2	2		30			KC094
83	KC585ET	Mô hình thông tin xây dựng (BIM)	3	3			90		
84	KC453	Chuyên đề công trình y tế - nghỉ dưỡng	2		4		60	KC088	
85	KC454	Chuyên đề công trình văn hóa - giáo dục	2				60	KC088	
86	KC455	Chuyên đề công trình thương mại - dịch vụ	2				60	KC088	
87	KC542	Chuyên đề công trình cao tầng	2				60		
88	KC456	Kiến trúc, môi trường và con người	2		2	30			
89	KC457	Kiến trúc cảnh quan	2			30		KC090E	
90	KC248E	Công trình xanh	2			25	10		
91	KC458	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	2		6	15	30		
92	CN374	Quy hoạch giao thông	2			25	10		
93	KC459E	Nhà cao tầng	2			30		KC088	
94	MT534	Chuyên đề 1: Đô thị thông minh	2				60		
95	KC460E	Tư vấn đầu tư xây dựng	2			30			
96	KC581	Hệ thống kỹ thuật và trang thiết bị công trình	2			30		KC088	
97	CN337E	Luật xây dựng	2			30			
98	KC575	Dự toán xây dựng	2				60		
99	CN514T	Quản lý dự án xây dựng	3			45			
100	CN039T	Vật liệu xây dựng tiên tiến	2			30		CN104	
101	KC589T	Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	3			45			
102	KC462	Thực tập ngành nghề Kiến trúc	2	2			60		KC567
103	KC528	Luận văn tốt nghiệp Kiến trúc	15	15			450	≥ 135 TC	
Cộng: 68 TC (Bắt buộc: 56 TC; Tự chọn: 12 TC)									
Tổng cộng: 170 TC (Bắt buộc: 135 TC; Tự chọn: 35 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG BÁCH KHOA
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Nguyễn Văn Cương